TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 262/2024/ HNGĐ - ST
Ngày: 15/5/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:
1. ÔngNguyễn Thái Sơn
2. Bà Phan Thị Thu Thủy

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/5/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 626/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Yến N, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: A T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 1074/3/2B Tỉnh lộ 10, phường T, quận B, TP .. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Trần Quốc Đ sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: 1 T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Yến N trình bày:

Bà Huỳnh Thị Yến N và ông Phạm Trần Quốc Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, đăng ký kết hôn ngày 22/12/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường A Quận F, TP . cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại A T, Phường A, Quận F, hạnh phúc thời gian ngắn. Khoảng giữa năm 2012 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong quan điểm sống, tính cách thường xuyên cãi vã. Dù gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên cuối năm 2012 bà N dẫn con về ở với cha mẹ ruột, vợ chồng ly thân cho đến nay. Ông Đ không liên lạc với bà N cũng không đến thăm con, một mình bà N nuôi con

cho đến nay, ông Đ không phụ giúp kinh tế. Nay tình cảm không còn, bà N xin ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Huỳnh Thanh T, sinh ngày 24/12/2011. Bà Huỳnh Thị Yến N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Phạm Trần Quốc Đ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Phạm Trần Quốc Đ vắng mặt tại phiên toà, không có bản tự khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N có đơn xin vắng mặt, không có đơn rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Trần Quốc Đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận F,ông Phạm Trần Quốc Đ thực tế cư trú tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà N có đơn xin ly hôn ông Đ nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bà Huỳnh Thị Yến N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Phạm Trần Quốc Đ vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Yến N và ông Phạm Trần Quốc Đ tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyển số 01/2011 ngày 22/12/2011 do Ủy ban nhân dân Phường A Quận F, TP . cấp. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau....Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…. "; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Theo bà N thì khoảng giữa năm 2012, vợ chồng bắt đầuphát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách và thường xuyên cãi vả. Từ cuối năm 2012 bà N và

ông Đ ly thân cho đến nay, ông Đ cũng không liên lạc nói chuyện hàn gắn, không đến thăm con và không phụ giúp kinh tế để nuôi con.

Về phía ông Phạm Trần Quốc Đ, Tòa án đã gởi thông báo thụ lý cho ông Đ về việc bà N có đơn yêu cầu ly hôn ông Đ. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay ông Đ không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà N, cũng không đến Toà án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho thấy mối quan hệ giữa ông Đ và bà N đã không còn gắn bó, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2012 đến nay; ông Đ không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía bà Huỳnh Thị Yến N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà N là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà N và ông Đ có 01 con chung là Phạm Huỳnh Thanh T, sinh ngày 24/12/2011, hiện bà N đang nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị Yến N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Phạm Trần Quôc Đ1 cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi ly thân bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến nay và đủ điều kiện về mọi mặt để lo cho con, đồng thời cũng phù hợp nguyện vọng của trẻ muốn ở với bà N. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung là là Phạm Huỳnh Thanh T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông Đ1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Yến N phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,điểm a, điểm bkhoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Yến N đối với ông Phạm Trần Quốc Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyển số 01/2011 ngày 22/12/2011 do Ủy ban nhân dân Phường A Quận F, TP . cấp cho bà Huỳnh Thị Yến N và ông Phạm Trần Quốc Đ không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao con chung là trẻ Phạm Huỳnh Thanh T, sinh ngày 24/12/2011 cho bà Huỳnh Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Yến N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Trần Quốc Đ có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Yến N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0038471 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP ..

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
-UBND Phường 14, Quận 6.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Thương